

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**



**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1
TRACO**

Hải Phòng, tháng 05 năm 2021

=====

PHẦN MỞ ĐẦU

- Luật doanh nghiệp năm 2020 (LDN 2020) là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Thông tư số 116/2020/TT – BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Luật chứng khoán 2019 là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán 2019;
- Quyết định số 3589/1999/QĐ-BGTVT ngày 17/12/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT v/v chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Vận tải số 1- Traco thành Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco;
- Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 07/05/2021 và cập nhật các văn bản pháp lý khác như nội quy, quy chế, quy định, quyết định, nghị quyết của Công ty Cổ phần Vận tải 1 TRACO...

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco được tổ chức vào ngày 07 tháng 05 năm 2021.

CHƯƠNG I ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên doanh nghiệp

- 1.1. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI 1 TRACO
- 1.2. Tên tiếng Anh: TRACO Transport Joint Stock Corporation No.1
- 1.3. Tên tắt: **TRACO**
- 1.4. Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco dưới đây được viết tắt là Công ty Traco, CTCP Traco, Traco hoặc Công ty.

Điều 2: Logo và cờ doanh nghiệp

2.1. Logo Traco:

A)- Logo 3 màu là biểu tượng lá cờ xanh lơ có chữ TRACO màu đỏ thắm tung bay trên nền quả địa cầu, xung quanh có những tia nắng mặt trời phông theo hoa văn trống đồng Đông Sơn màu xanh tím, phần còn lại là màu của nền;

B)- Logo đơn sắc (một màu đen/ trắng) được cách điệu từ Logo đa sắc để thuận tiện trong việc in ấn, thêu dệt, chế tác, lắp đặt ở các vị trí trên mọi chất liệu.

2.2. Logo Traco đã được Cục Bản quyền Tác giả, Bộ Văn hoá Thông tin nước CHXHCN Việt Nam cấp Giấy chứng nhận bản quyền tác giả số 139/2003 ngày 17/02/2003.

2.3. Tên Thương mại TRACO và logo Traco đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký bảo hộ Nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại số 59130/QĐ:A9379/QĐ-ĐK liên tục từ ngày 15/12/2004 của Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ nước CHXHCN Việt Nam.

2.4. Cờ Traco được thiết kế trên nền chữ nhật (một loại chữ nhật theo chiều ngang và một loại theo chiều dọc) lấy Logo Traco đơn sắc ở trung tâm lá cờ.

2.5. Các bản vẽ thiết kế mẫu, các gam màu họa tiết, cách thức in ấn chế tác, quy cách sử dụng logo, huy hiệu và cờ doanh nghiệp được quy định chi tiết trong "Quy chế về Logo của Traco" .

Điều 3: Quốc tịch, Trụ sở công ty

3.1. Quốc tịch của công ty: Việt Nam

3.2. Trụ sở chính (địa chỉ thường trú) của công ty:

a) Cơ sở 1:

Số 271 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

ĐT: 031.3822329; Fax: 031.3745679

E-mail: info@traco.com.vn;

Website CTCP Traco: www.traco.com.vn và www.traco.vn

Mã số doanh nghiệp: 0200 380 678.

a) Cơ sở 2:

Số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng.

Điều 4: Tư cách pháp nhân, nguyên tắc tổ chức, hình thức hoạt động của Traco

4.1. Tiền thân Công ty có tên là Công ty Dịch vụ Vận tải số 1 Traco là một Doanh nghiệp Nhà nước độc lập trực thuộc Bộ GTVT, thành lập ngày 17/12/1969. Cuối năm 1999, Công ty này được cổ phần hóa theo *Quyết định số 3589/1999/QĐ-BGTVT ngày 17/12/1999 của Bộ trưởng Bộ GTVT v/v chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dịch vụ Vận tải số 1 Traco thành Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco*, trên cơ sở người lao động tự nguyện góp vốn mua cổ phần để trở thành các cổ đông của Công ty, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

4.2. Traco là công ty cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tại ngân hàng, có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.

4.3. Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn của mình đã góp vào Công ty.

4.5. Người Đại diện theo pháp luật của Công ty:

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Traco có 2 (hai) người đại diện theo pháp luật của Công ty và phân công như sau:

(1) Người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty có quyền hạn và trách nhiệm chung về các lĩnh vực của Công ty.

(2) Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty: Tổng giám đốc Công ty có quyền hạn và trách nhiệm trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất của Công ty.

Điều 5: Mục tiêu và nội dung hoạt động

5.1. Mục tiêu của Traco: Liên tục phát triển, bảo đảm nhịp độ tăng trưởng từ 12%/năm trở lên; không ngừng nâng cao mức sống người lao động và quyền lợi cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội, xứng đáng là một trong những doanh nghiệp logistics hàng đầu của Việt Nam; xây dựng tinh thần doanh nghiệp, văn hoá Traco mang bản sắc *dân tộc- doanh nghiệp- gia đình*.

5.2. Nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh chính:

Ngành, nghề kinh doanh: Chi tiết Phụ lục 2 đính kèm. Trong trường hợp cần thiết Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco có thể bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Điều 6: Thời gian hoạt động

Theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, đoàn thể

7.1. Người lao động và cổ đông của Công ty có quyền tham gia các tổ chức Đảng Cộng sản VN, Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM, công đoàn, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, tổ hưu trí, hội nghề nghiệp Logistics, hội vận tải và các tổ chức khác theo đúng quy định của hiến pháp và pháp luật Việt Nam và những hiệp định Việt Nam đã ký với nước ngoài.

7.2. Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trên hoạt động, đáp lại các tổ chức này phải đưa nội dung đoàn kết xây dựng phát triển Công ty vào chương trình hoạt động của mình, đóng góp ý kiến cho lãnh đạo Công ty và động viên toàn thể người lao động, cổ đông đồng tâm hăng hái lao động xây dựng một Traco liên tục phát triển.

CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 8: Quyền hạn của Công ty

8.1. Mở rộng quy mô và đa dạng ngành nghề kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường theo khả năng của Công ty và theo quy định của pháp luật.

8.2. Phát hành cổ phiếu, trái phiếu, tham gia thị trường chứng khoán, lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

8.3. Tổ chức bộ máy quản lý, sắp xếp nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích và nội dung hoạt động của Công ty; Tuyển dụng và thuê mướn lao động, thử việc hoặc cho nghỉ việc theo yêu cầu sản xuất kinh doanh và quy định của Bộ luật lao động.

8.4. Xây dựng và áp dụng các định mức lao động, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, đơn giá tiền lương, tiền thưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh, khuyến khích nâng cao năng suất lao động.

8.5. Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối.

8.6. Quyết định sử dụng phần thu nhập còn lại.

8.7. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng. Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học tiên tiến, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- 8.8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Doanh nghiệp.
8.9. Nắm bắt thời cơ đầu tư phát triển, liên kết liên doanh với các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước.
8.10. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
8.11. Các quyền khác theo luật định.

Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty

- 9.1. Hoạt động kinh doanh theo đúng mục đích và ngành nghề đã đăng ký. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của mình trước khách hàng và pháp luật.
9.2. Thực hiện chế độ hạch toán, kế toán, thống kê và báo cáo tài chính định kỳ; Khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
9.3. Chấp hành các quy định về chế độ tuyển dụng, ký kết hợp đồng và quản lý lao động theo Bộ luật Lao động. Ưu tiên sử dụng lao động có phẩm chất, có trình độ và năng lực đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh.
9.4. Tuân thủ quy định của pháp luật về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, di tích văn hoá lịch sử và danh lam thắng cảnh.
9.5. Chịu sự thanh tra, kiểm toán của cơ quan chức năng nhà nước và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 10: Vốn điều lệ

- 10.1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần vận tải 1 Traco tại thời điểm hiện tại là 45.924.900.000 VNĐ. Để thích ứng thị trường hội nhập hàng năm Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng quản trị (HĐQT) sẽ có phương án tăng/giảm vốn điều lệ phù hợp với chiến lược phát triển TRACO.
10.2. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động sau đây:
- Đầu tư tài sản cố định (TSCĐ) phát triển sản xuất kinh doanh (SXKD), mua sắm máy móc và các trang thiết bị phục vụ hoạt động của Công ty.
- Cung cấp vốn lưu động.
- Góp vốn liên kết, liên doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác

Điều 11: Cổ phần

- 11.1. Vốn điều lệ 45.924.900.000 VNĐ tại thời điểm hiện tại được chia thành 4.592.490 cổ phần tương ứng với mệnh giá một cổ phần là 10.000đ (Mười nghìn đồng).
11.2. Thời điểm hiện tại, tất cả các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.
11.3 Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty phát hành theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 12: Quyền của cổ đông

12.1. Cổ đông có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ và do đó đương nhiên có quyền dự Đại hội (họp) ĐHĐCĐ (dự đại hội trực tiếp hoặc gián tiếp). Cổ đông phổ thông biểu quyết bằng ba cách: (i) trả lời vào Phiếu lấy ý kiến hoặc (ii) biểu quyết tại Đại hội ĐHĐCĐ hoặc (iii) nếu vì một lý do nào đó mà không thể trực tiếp dự Đại hội ĐHĐCĐ được thì uỷ quyền cho người khác tham dự biểu quyết thay mình (dự Đại hội gián tiếp).

12.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ

12.3. Được mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông.

12.4. Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

12.5. Các quyền và lợi ích của cổ đông gắn liền với trách nhiệm, đặc biệt những cổ đông đã từng giữ cương vị là người quản lý công ty (NQL), nếu vi phạm quy định của Công ty thì bị điều chỉnh theo quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ và luật pháp nhà nước hiện hành tùy theo mức độ nặng nhẹ.

Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông

13.1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

13.2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Uỷ quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

13.3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

13.4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

13.5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật hiện hành;

13.6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm Pháp luật;
- b. Tiên hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

13.7. Nghĩa vụ của cổ đông lớn của Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán: thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi thực hiện giao dịch mua/bán cổ phiếu của Công ty.

13.8. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

14.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và/hoặc pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và/hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán.

14.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn Chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

14.3. Trừ cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định và phải được đại diện theo pháp luật của Công ty xác nhận.

Điều 15: Chứng nhận cổ phiếu

15.1. Cổ đông sở hữu cổ phần chưa lưu ký của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp những cổ phần đã được đăng ký lưu ký, giao dịch trên thị trường chứng khoán.

15.2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo Khoản 1 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp.

15.3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Giấy chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

15.4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị. Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cổ phiếu của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau:

a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác. Cam kết rằng Giấy chứng nhận của cổ đông thực sự đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam kết rằng đã tiến hành tìm kiếm tối đa có thể và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận cổ phiếu mới;

15.5. Cổ đông công ty có trách nhiệm gìn giữ Giấy chứng nhận cổ phiếu cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhòe, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp Giấy chứng nhận cổ phiếu này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

CHƯƠNG IV QUẢN TRỊ TRACO

Điều 16: Sơ đồ Quản trị TRACO

Xem Phụ lục số 1 đính kèm theo Điều lệ.

Điều 17: Cơ cấu tổ chức quản lý

- a) Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD),
- b) Hội đồng quản trị (HĐQT),
- c) Ban kiểm soát (BKS),
- d) Tổng giám đốc (TGD),
- e) Phòng ban, Trung tâm, Chi nhánh, Công ty con... trực thuộc.

Điều 18: ĐHĐCD - Nội dung các kỳ (đại hội) ĐHĐCD

18.1. **Đại hội đồng Cổ đông** (viết tắt là ĐHĐCD) là chủ sở hữu Công ty, gồm tất cả các cổ đông Traco có quyền biểu quyết, là ***cơ quan quyền lực tối cao*** của Công ty. Đại hội (họp) ĐHĐCD Công ty gồm: a) Đại hội ĐHĐCD thường niên và b) Đại hội ĐHĐCD bất thường, cụ thể được quy định như sau:

18.2. Đại hội Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

Đại hội Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào khoảng thời gian từ tháng Hai đến hết tháng Tư (khi Công ty đã hoàn tất về Báo cáo Tài chính của năm trước) hoặc gia hạn thời gian tổ chức họp theo đề nghị của HĐQT nhưng không quá 30/06, địa điểm họp tại Trụ sở Công ty (45 phố Đinh Tiên Hoàng hoặc 271 phố Lê Thánh Tông, TP Hải Phòng) hoặc tại một nơi khác theo quyết định của HĐQT.

18.2a. Đại hội ĐHĐCD thường niên thảo luận và thông qua các nội dung chính sau đây:

- Quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, điều chỉnh kế hoạch trung hạn và dài hạn;
- Báo cáo tài chính hàng năm;
- Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty; Báo cáo của BKS (Ban Kiểm soát) về đánh giá công tác quản lý và điều hành công ty của HĐQT và TGD (Tổng giám đốc);
- Quyết định số lợi nhuận trích lập các quỹ, bổ sung vốn, lợi nhuận chia cho các cổ đông. Xác định và quy trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra đối với Công ty trong sản xuất kinh doanh;
- Biểu quyết chấp thuận tăng giảm vốn điều lệ, đối tượng mua cổ phiếu, trái phiếu; số lượng, cơ cấu cổ phiếu, trái phiếu của mỗi đợt phát hành;
- Xem xét, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể doanh nghiệp;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty nếu cần thiết;
- Bỏ phiếu kín bãi nhiệm, bổ nhiệm một số thành viên HĐQT và BKS kể cả chưa hết nhiệm kỳ nếu cần.

18.2b. Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco quy định nhiệm kỳ của HĐQT cũng như nhiệm kỳ của BKS cùng là 5 năm. Do vậy, kỳ đại hội ĐHĐCD thường niên vào những năm kết thúc nhiệm kỳ cũ, bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới, có nhiều nội dung trọng đại phải được chuẩn bị kỹ lưỡng. Những kỳ đại hội ĐHĐCD thường

niên quan trọng này thường rơi vào những năm lẻ 4 và lẻ 9 (như năm 1999, 2004, 2009, 2014, 2019, 2024...) và được toàn thể cổ đông Traco gọi là đại hội ĐHĐCĐ nhiệm kỳ. Kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên (nhiệm kỳ) này, nội dung như khoản 18.2a và thêm:

- Tổng kết đánh giá hoạt động nhiệm kỳ trước, kế hoạch biện pháp nhiệm kỳ sau;
- Sửa đổi Điều lệ (nếu cần) và thông qua Điều lệ sửa đổi;
- Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ tiếp theo.

18.3. Đại hội (họp) ĐHĐCĐ bất thường

18.3a. Họp ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo quyết định của a) HĐQT hoặc theo đề nghị của b) BKS hoặc theo đề nghị của c) Nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần trở lên.

18.3b. Họp ĐHĐCĐ bất thường để xem xét giải quyết các vấn đề cấp bách, bất thường trong Công ty; xem xét xử lý các vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh bất thường, những vấn đề tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng, những vi phạm trong giao dịch nhạy cảm; thành viên HĐQT có những hành động, việc làm vi phạm Điều lệ, luật pháp; Bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT, BKS để không gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Công ty; Sửa đổi bổ sung Điều lệ và ban hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, xử lý các vấn đề khẩn cấp khác theo yêu cầu HĐQT nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 19: Thẩm quyền và thể thức triệu tập họp (đại hội) ĐHĐCĐ

19.1. Trình tự tổ chức họp (đại hội) ĐHĐCĐ: Chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc đại hội, người triệu tập ra Thông báo triệu tập đại hội ĐHĐCĐ bằng văn bản ngắn gọn về thời gian, địa điểm, chương trình nội dung đại hội. Thông báo này được gửi (đưa trực tiếp, điện thoại, fax, email) đến thành viên HĐQT, BKS, các phòng ban, VPĐD, chi nhánh, trung tâm, công ty con, đồng thời thông qua các trưởng đơn vị phổ biến đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Traco. Thông báo này phải được niêm yết tại Trụ sở chính và đăng tải trên trang Web của Traco.

19.2. Thẩm quyền triệu tập đại hội ĐHĐCĐ trước hết thuộc HĐQT. Chủ tịch HĐQT chuẩn bị nội dung chương trình, ký và gửi các thông báo đại hội theo trình tự đã ghi tại các khoản trên.

19.3. Đề được HĐQT xem xét quyết định triệu tập đại hội ĐHĐCĐ bất thường thì BKS hoặc Nhóm cổ đông phải có *Giấy đề nghị triệu tập đại hội ĐHĐCĐ* trong đó ghi rõ nội dung sự việc trình HĐQT; HĐQT ghi rõ ngày giờ và ký xác nhận vào *Giấy đề nghị* nói trên.

19.4. Ngay sau khi nhận được *Giấy đề nghị* nói trên, HĐQT phải xem xét quyết định và khẩn trương trong vòng 6 ngày làm việc phải ra ngay *Thông báo triệu tập Đại hội ĐHĐCĐ* bất thường và chuẩn bị tiến hành tổ chức đại hội theo quy định của Điều lệ và LDN.

19.5. Người triệu tập đại hội ĐHĐCĐ có quyền sử dụng bộ máy và lao động của Traco để thực hiện các công việc chuẩn bị, tổ chức và tiến hành đại hội.

19.6. Các phòng ban, Thư ký Công ty, CBCC và người lao động của Traco có nhiệm vụ phục vụ đại hội và chịu trách nhiệm trung thực v/v cung cấp số liệu, tài liệu, tình hình sự việc liên quan và các việc làm của mình theo quy định của ĐL, LDN và pháp luật.

Điều 20: Tiến hành đại hội ĐHĐCĐ

20.1. Ban tổ chức đại hội ĐHĐCĐ có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông và lập danh sách hiện diện, trong đó ghi rõ số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện.

20.2. Điều kiện, thể thức tiến hành đại hội ĐHĐCĐ

Đại hội ĐHĐCĐ chỉ được tiến hành khi số cổ đông đến dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

20.3. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu (BKP) đại hội ĐHĐCĐ

a. Đại hội ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập thì Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó chủ tịch HĐQT chủ trì.

b. Trong các trường hợp khác thì người ký tên triệu tập đại hội ĐHĐCĐ điều khiển để đại hội bầu Chủ tọa. Khi đó Chủ tọa được bầu là người có số phiếu cao nhất, không nhất thiết phải là ủy viên HĐQT, BKS hoặc cán bộ chủ chốt (CBCC).

c. Chủ tọa đề cử một người (Đại hội biểu quyết) làm Thư ký đại hội, lập Biên bản đại hội và các nghị quyết, quyết định theo quy định của pháp luật.

d. Theo đề nghị của Chủ tọa, đại hội bầu 3 người làm Ban kiểm phiếu (Đại hội biểu quyết).

Điều 21: Thông qua các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ

21.1. ĐHĐCĐ thông qua các nghị quyết, quyết định của mình bằng 2 hình thức: (i) biểu quyết tại đại hội hoặc (ii) lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông phải chọn một trong ba đáp án “Thuận/Chống/ Trống (không có ý kiến) trong từng biểu quyết của mình. Quyết định, nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định, nghị quyết được thông qua tại đại hội.

21.2. Quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ về 7 vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại đại hội:

i- Sửa đổi bổ sung Điều lệ (ĐL) công ty;

ii- Định hướng phát triển công ty;

iii- Loại cổ phần và tổng số cổ phần mỗi loại;

iv- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS);

v- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính (BCTC) gần nhất của Công ty;

vi- Thông qua Báo cáo Tài chính (BCTC), và

vii- Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

21.2'. Điều kiện để nghị quyết được Đại hội (họp) ĐHĐCĐ thông qua

a) Nghị quyết về các nội dung dưới đây sẽ được thông qua nếu số cổ đông sở hữu và /hoặc đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả số cổ đông dự đại hội tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần mỗi loại;

- Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- Thay đổi cơ cấu tổ chức công ty;

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo Tài chính (BCTC) gần nhất của Công ty.

- Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

b) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS phải thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín và **bầu dồn phiếu**, người trúng cử phải thỏa mãn nguyên tắc đa số quá bán.

c) Nội dung Báo cáo Tài chính (BCTC) hàng năm, định hướng phát triển công ty và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quyết nghị sẽ được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu và đại diện ủy quyền cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự đại hội ĐHĐCĐ chấp thuận.

21.3. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng cách Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

21.3A- Giữa hai kỳ đại hội, HĐQT có thể tổ chức **Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản** để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty. Hồ sơ *Lấy ý kiến* gồm có: (i) Phiếu lấy ý kiến, (ii) Dự thảo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và (iii) Các tài liệu giải trình nghị quyết, quyết định dự thảo. *Phiếu lấy ý kiến* hợp lệ phải có đủ chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và Trưởng phòng TCKT, phải đóng dấu công ty. Hồ sơ *Lấy ý kiến* phải được đưa trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh (nếu không phải là bí mật doanh nghiệp thì có thể điện thoại, fax, e-mail hoặc qua trang web của Traco... do Chủ tịch HĐQT quyết định) đảm bảo kịp thời và đến tận tay tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, trong đó ghi rõ ngày D - hạn cuối cùng phải giao nộp lại (hoặc gửi lại) phiếu trả lời cho Công ty.

21.3B- Sau khi nhận/ biết được Hồ sơ trên, cổ đông trả lời vào một trong ba phương án “đồng ý/phản đối/ không ý kiến” trên *Phiếu lấy ý kiến* và ký tên trước khi giao nộp hoặc gửi về Công ty theo địa chỉ và cách thức đã được HĐQT chỉ dẫn trên phiếu.

21.3C- HĐQT thành lập Ban Kiểm phiếu (BKP) ít nhất ba người, gồm một ủy viên HĐQT (làm trưởng ban), một ủy viên BKS và một cổ đông. Với hình thức Lấy ý kiến này, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

21.3D- BKP có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu trình HĐQT. HĐQT thông báo đến các cổ đông các quyết định đã được thông qua trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày D. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang web của Công ty Traco.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC I: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22: Những quy định về Hội đồng quản trị (HĐQT)

22.1. ĐHĐCĐ là chủ sở hữu Công ty. HĐQT đại diện chủ hữu, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

22.2. HĐQT Traco gồm 5 thành viên, trong đó có một Chủ tịch và một Phó chủ tịch.

22.3. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT được quy định như sau:

A- Quốc tịch: Việt Nam,

B- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Traco. Trong thời gian đương nhiệm thành viên HĐQT, việc chuyển nhượng làm tăng giảm

tỷ lệ cổ phần phải được HĐQT biểu quyết thông qua và thành viên HĐQT này không được biểu quyết.

C- Có trình độ đại học, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ,

D- Có đủ thời gian, phẩm chất đạo đức, uy tín và sức khỏe đảm trách nhiệm vụ.

Cá biệt, trường hợp cá nhân có năng lực quản lý, uy tín lãnh đạo cao, được suy tôn nhưng không phải là cổ đông lớn nhất, thậm chí sở hữu chưa đủ 5% thì có thể được ĐHĐCĐ xem xét giới thiệu để biểu quyết đưa vào danh sách ứng viên trước khi ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT (xem như một *trường hợp ngoại lệ* tại Điều 51 Điều lệ).

22.4. Đại hội ĐHĐCĐ bầu thành viên HĐQT bằng thể thức bầu dồn phiếu và bỏ phiếu kín, người trúng cử là người nhận được đa số phiếu với điều kiện quá bán tổng số phiếu biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của tất cả số cổ đông tham dự đại hội.

22.5. Nhiệm kỳ HĐQT là 5 năm. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

A- Bị cấm bởi các điều khoản của pháp luật, bị toà án kết án bằng văn bản hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

B- Bị lạc hậu với sự phát triển của công ty hoặc không đủ năng lực, trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm hoặc sức khỏe đảm đương công việc được giao;

C- Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

D- Mất uy tín, không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân, cho người khác hoặc cho nhóm lợi ích; vi phạm những cam kết tự nguyện, những nội quy, quy định đã biểu quyết đồng thuận; báo cáo không trung thực tình hình tài chính công ty, chi nhánh và các đơn vị thành viên thuộc nhóm công ty;

E- Tự ý bỏ nhiệm sở,

F- Vi phạm nội quy, quy chế của Traco, vi phạm quy định về NCLQ, NQL, vi phạm các quy định, quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ, Điều lệ của Traco hoặc luật pháp nhà nước.

22.6. Thành viên HĐQT có quyền từ chức, đơn xin từ chức nộp cho Chủ tịch HĐQT. Ủy viên Hội đồng khi không còn tác dụng, không được suy tôn, mất uy tín thì bị kiến nghị miễn nhiệm trước nhiệm kỳ. Đại hội đồng cổ đông có thể miễn nhiệm một uỷ viên HĐQT cũ và bổ nhiệm kịp thời một uỷ viên mới thay thế bằng phương pháp gửi *Phiếu lấy ý kiến* đã được quy định tại điều 21.3 nếu HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty. Nếu không quá cấp bách và kỳ họp ĐHĐCĐ đã đến gần (trong vòng 60 ngày) thì chờ biểu quyết trực tiếp tại đại hội ĐHĐCĐ.

Điều 23: Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT

23.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty.

23.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

23.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

23.4. Quyết định chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty

23.5. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã chào bán của từng loại.

23.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền

- 23.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của công ty.
- 23.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký và chấm dứt HĐLĐ với TGD; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
- 23.9. HĐQT Traco thực hiện quyền của công ty mẹ đối với công ty con: (a) Quyết định kịp thời việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty con, (b) Giám sát chặt chẽ và trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, cách chức một số hoặc tất cả các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc và KTT công ty con.
- 23.10. Giám sát, chỉ đạo TGD, GD công ty con và NQL Traco trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; quyết định biện pháp bảo toàn và phát triển vốn giao cho TGD, GD các chi nhánh, trung tâm, GD các công ty con thuộc Traco và các chế tài khác kèm theo.
- 23.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập, giải thể các công ty con, phê chuẩn việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác;
- 23.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ đại hội ĐHĐCĐ, triệu tập đại hội hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định.
- 23.13. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Traco lên ĐHĐCĐ
- 23.14. Đôn đốc các công ty con: ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty con còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua bán và các giao dịch khác với công ty mẹ; Trước khi đại hội thường niên phải hoàn tất việc đánh giá BCTC của công ty mẹ và công ty con, việc thẩm định các báo cáo khác có liên quan của Nhóm Traco theo quy định của pháp luật.
- 23.15. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 23.16. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.
- 23.17. Được hưởng thù lao theo kết quả kinh doanh của Công ty, mức thù lao do ĐHĐCĐ biểu quyết, công tác phí và các chi phí cần thiết hợp lý khác do Chủ tịch HĐQT quyết định.
- 23.18. Các quyền và trách nhiệm khác quy định ở các điều khoản khác trong bản Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 24: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

- 24.1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (TGD), Phó tổng giám đốc (Phó TGD), Trưởng kế toán (KTT), các cán bộ chủ chốt của Công ty, chi nhánh và các công ty liên kết liên doanh, các công ty con thuộc nhóm Traco cung cấp thông tin.
- 24.2. Các cán bộ chủ chốt của Công ty phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực trong việc cung cấp thông tin này.

Điều 25: Chủ tịch HĐQT

- 25.1. HĐQT bầu Chủ tịch và một Phó chủ tịch HĐQT trong số thành viên HĐQT.
- 25.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT
 - Đại diện pháp luật tất cả các lĩnh vực hoạt động của Traco

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT,
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các cuộc họp HĐQT, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT, tổ chức thông qua các quyết định của HĐQT và chọn hình thức thông qua từng quyết định cho phù hợp.
 - Theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ,
 - Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ các đại hội ĐHĐCĐ, triệu tập và chủ trì đại hội ĐHĐCĐ, lựa chọn các hình thức thích hợp để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ,
 - Ký tên vào các cổ phiếu, trái phiếu của Traco,
 - Giới thiệu người đề HĐQT bầu TGD (có thể là thành viên HĐQT hoặc người khác),
 - Phân công, quy định nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên HĐQT và TGD, Phó TGD, KTT/ Trưởng phòng TCKT.
 - Thành lập *Tổ Thư ký Công ty*. Tổ Thư ký Công ty gồm 2 thư ký và một Tổ trưởng. Tổ trưởng và thư ký có thể kiêm nhiệm nhưng ít nhất có một thư ký chuyên trách (toàn thời gian) để toàn tâm toàn ý giúp việc Chủ tịch, các ủy viên HĐQT, BKS và phục vụ ĐHĐCĐ có hiệu quả.
 - Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định ở các điều khoản khác trong bản Điều lệ này, trong quy chế quản lý nội bộ công ty và pháp luật nhà nước liên quan.
- 25.3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì Phó chủ tịch HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT.

Điều 26: Hoạt động của Hội đồng quản trị

- 26.1. HĐQT họp định kỳ mỗi quý một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT còn phải triệu tập họp HĐQT theo đề nghị của BKS hoặc TGD.
- 26.2. Thông báo mời họp và nội dung họp HĐQT phải được gửi đến BKS cùng thời điểm như đối với ủy viên HĐQT
- 26.3. Thành viên HĐQT có thể thay Chủ tịch HĐQT triệu tập và/hoặc chủ trì họp HĐQT nếu được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền bằng văn bản.
- 26.4. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên khác bằng văn bản gửi đến trước giờ khai mạc phiên họp. Mỗi thành viên HĐQT chỉ được đại diện cho một thành viên HĐQT vắng mặt.

Điều 27: Hình thức thông qua quyết định của HĐQT

- 27.1. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể với nguyên tắc: mỗi một thành viên HĐQT ***có một phiếu biểu quyết ngang nhau*** (có thể biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín) với 3 đáp án là: hoặc ***thuận***, hoặc ***chống***, hoặc ***trắng***.
- 27.2. Hình thức: (i) biểu quyết tại cuộc họp hoặc (ii) lấy ý kiến bằng văn bản.
- 27.3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được quá bán số thành viên HĐQT chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT (hoặc Phó chủ tịch HĐQT nếu cuộc họp đó Chủ tịch HĐQT vắng mặt).

MỤC II BAN KIỂM SOÁT

Điều 28: Những quy định về Ban kiểm soát (BKS)

28.1. Thành viên BKS do Đại hội đồng Cổ đông bầu và bãi miễn theo đa số phiếu và quá bán của tổng cổ phần (sở hữu và đại diện) bằng phương thức bầu dồn, bỏ phiếu kín tại đại hội ĐHĐCĐ.

28.2. BKS có 3 thành viên, trong đó có Trưởng ban do các ủy viên BKS tự chọn bầu (bỏ phiếu kín).

28.3. Tiêu chuẩn của thành viên BKS: (A) Có quốc tịch Việt Nam, (B) Là cá nhân sở hữu tối thiểu 1% tổng số cổ phần phổ thông của Traco (nếu cá nhân này có năng lực kiểm soát, kiểm sát, phẩm chất và uy tín cao mà sở hữu chưa đủ 1% thì có thể xem xét như một trường hợp ngoại lệ tại Điều 51 điều lệ), (C) Trình độ đại học, có năng lực giám sát kiểm tra, trung thực thẳng thắn.

28.4. Trong BKS phải có ít nhất một kiểm soát viên là cổ đông am hiểu về nghiệp vụ TCKT, kiểm toán, có khả năng kiểm soát về mặt tài chính kế toán của Công ty. Trường hợp ứng viên có khả năng nghiệp vụ và kỹ năng kiểm soát về mặt TCKT nhưng chưa đủ 1% tổng số cổ phần phổ thông của Traco thì xem xét theo Điều 51 ĐL này. Mọi thành viên BKS phải am hiểu về luật pháp, tuyệt đối trung thành và hết sức cẩn thận trong thực thi nhiệm vụ.

28.5. Kiểm soát viên không thể đồng thời là thành viên HĐQT hoặc TGD, phó TGD, Giám đốc, phó GD, KTT; cũng không thể là người liên quan (NLQ) của các chức vụ quản lý nêu trên.

28.6. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

Điều 29: Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS

29.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh (kể cả trong việc đầu tư, xây dựng, sửa chữa, mua sắm phương tiện, máy móc trang thiết bị...), trong tổ chức công tác thống kê, kế toán, kiểm toán và lập BCTC của Traco và các đơn vị thành viên thuộc Traco.

29.2. Có quyền tiếp cận, xem xét sổ sách kế toán, số liệu, tài liệu, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty, chi nhánh, trung tâm... bất cứ khi nào nếu BKS xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ.

29.3. Nếu xét thấy cần thiết, Trưởng BKS (hoặc Kiểm soát viên được Trưởng ban ủy quyền) được quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT (kể cả cuộc họp giải quyết Trường hợp ngoại lệ theo Điều 51), không tham gia biểu quyết nhưng có quyền phát biểu ý kiến, đưa ra những kiến nghị và đề xuất các giải pháp để HĐQT xem xét.

29.4. Định kỳ mỗi quý một lần, BKS làm việc với *cán bộ Traco tại công ty khác*. Cán bộ Traco tại công ty khác phải báo chuẩn bị báo cáo bằng văn bản và chủ động thông báo làm việc với BKS trong thời điểm thuận tiện nhất.

29.5. Thực hiện giám sát HĐQT, TGD, KTT công ty, GD, KTT chi nhánh, trung tâm, thành viên và các cán bộ Traco tại công ty khác trong việc quản lý điều hành công ty và Nhóm công ty, kiểm tra giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn v.v.

29.6. Lắng nghe ý kiến của người lao động, cổ đông, những phản ánh cầu kết lợi ích nhóm, tay trong thông đồng, tiết lộ công nghệ, bí mật kinh doanh sản xuất doanh nghiệp, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh của Traco. Khi phát hiện có những hành vi vi phạm pháp luật, điều lệ, nội quy, quy chế doanh nghiệp, quy định về NQL Traco, NCLQ, công ty mẹ/con... thì BKS thông báo với HĐQT, yêu cầu cá nhân, nhóm người, đơn vị vi phạm đó chấm dứt ngay hành vi vi phạm và xử lý theo quy định, chế tài của Traco và pháp luật của Nhà nước.

29.7. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập nếu thấy cần thiết; có quyền ra Thông báo triệu tập và/hoặc điều khiển đại hội ĐHĐCĐ bất thường trong những trường hợp bất thường theo quy định của Điều lệ này và LDN.

29.8. Kiểm soát viên được hưởng thù lao và được thanh toán công tác phí, chi phí dịch vụ tư vấn .v.v.hợp lý theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

MỤC III TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30: Những quy định về Tổng giám đốc (TGD)

30.1. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một lao động của Traco hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc (TGD/CEO). TGD là người đại diện theo pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất của Traco.

30.2. Nhiệm kỳ của TGD là 5 năm cùng nhiệm kỳ với HĐQT. Theo đó, nhiệm kỳ của những người giúp việc cho TGD gồm có các Phó TGD, KTT, trưởng đơn vị (phòng, chi nhánh, trung tâm) cũng là 5 năm. Hết nhiệm kỳ, nếu chưa có hoặc không có quyết định miễn nhiệm thì đương nhiên những người giúp việc này vẫn phải tiếp tục đảm đương cương vị của mình.

30.3. TGD là người trực tiếp chỉ huy hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 31: Nhiệm vụ, quyền hạn và quyền lực của TGD

31.1. Căn cứ nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT xây dựng chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và tổ chức triển khai thực hiện; Chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ v/v quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản và các nguồn lực khác của công ty.

31.2. Quyết định và ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, thương mại, tài chính tín dụng, liên kết liên doanh; tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty bằng kỹ thuật nghiệp vụ, kinh nghiệm và thông lệ quản lý tốt nhất. Riêng những hợp đồng ghi ở điều 21.2'a mục 4, điều 23.7 và điều 36.2 thì phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi ký.

31.3. Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu bộ máy điều hành gọn nhẹ hiệu quả.

31.4. Lựa chọn và đề nghị HĐQT phê duyệt bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm (kể cả chưa hết nhiệm kỳ) các Phó TGD, Kế toán trưởng hoặc Trưởng đơn vị, các CBCC

của toàn Công ty. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

31.5. Ký các báo cáo, văn bản tài chính, các chứng từ của Công ty. Nếu dùng tài sản thuộc sở hữu của Công ty để cầm cố thế chấp khi vay vốn thì phải được sự chấp thuận của HĐQT.

31.6. Trình HĐQT các báo cáo hoạt động tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Các báo cáo của TGD trình HĐQT phải được gửi đến BKS cùng thời điểm như đối với HĐQT.

31.7. Phải tuân thủ pháp luật, trung thực thừa hành chức trách của mình, bảo vệ lợi ích của Công ty.

31.8. Các nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này, LDN và pháp luật có liên quan.

31.9. Tiền lương, tiền thưởng, thù lao và các lợi ích khác của TGD, của các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty (chuyên trách và/ hoặc kiêm nhiệm) theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty phù hợp với Điều 158 Luật doanh nghiệp.

Điều 32: Ủy quyền và trách nhiệm của người được ủy quyền

32.1. TGD công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm bằng văn bản cho Phó TGD hoặc người khác trong công ty thay mặt mình có quyền giải quyết một số công việc, hoặc thay mặt mình thi hành một số công việc, nhưng TGD phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

32.2. (Những) người được TGD ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước TGD và trước pháp luật về những công việc mình làm.

Điều 33: Từ chức và Bãi nhiệm

33.1. TGD bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp như đã ghi tại điều 22.5. Nếu thành viên HĐQT đồng thời là TGD hoặc là NCLQ của TGD thì thành viên này không được tham gia biểu quyết tại cuộc họp của HĐQT về miễn nhiệm, bãi nhiệm TGD.

33.2. TGD và các CBCC của Traco có quyền từ chức. Đơn xin từ chức nộp cho cấp đã bổ nhiệm và chỉ được từ chức khi có quyết định bằng văn bản.

MỤC IV NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 34: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty CP Vận tải 1 Traco (NQLTraco)

34.1. Người quản lý công ty Traco (viết tắt là NQL) bao gồm: người lao động, cổ đông là cán bộ chủ chốt (CBCC) của Traco; thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, Phó TGD; KTT, Trưởng phó phòng, Tổ trưởng thư ký công ty; GD, KTT, trưởng phòng của chi nhánh, trung tâm, công ty con và cán bộ Traco tại công ty khác (là người của Traco được bổ nhiệm hoặc/và đại diện phần vốn góp, cổ phần của Traco ở công ty con, doanh nghiệp liên doanh, liên kết).

34.2. Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, với tư cách là người nhận sự ủy thác của Traco, nắm rõ các nhà cung ứng và khách hàng của Traco, nắm rõ

thị trường, thị phần, các giải pháp công nghệ, bí mật kinh doanh sản xuất của Traco, NQL cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

A- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, trung thành, cẩn thận và miễn cưỡng vì lợi ích của Traco và cổ đông Traco; Không được hành động hay quyết định vượt quá quyền hạn, thẩm quyền. Nếu hành động hay quyết định này gây thiệt hại kinh tế cho Traco thì còn phải bồi thường vật chất cho Traco.

B- Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản, nguồn lực của Traco để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; Không được tiết lộ bí mật của Traco hoặc của các công ty con trong nhóm, không được thông đồng với nhà cung ứng và khách hàng của Traco; Không được chiếm đoạt cơ hội kinh doanh thuộc về Traco hoặc các công ty con của Traco;

C- Cá nhân cổ đông đã từng giữ cương vị người quản lý Traco nếu tách ra kinh doanh cùng ngành nghề thì Công ty Traco ủng hộ và sẵn sàng liên kết kinh doanh hợp tác hai bên cùng có lợi. Nếu cá nhân này không hợp tác mà cạnh tranh dành giật thị phần với cả Traco, phương hại Traco, gây bất bình cho đa số cổ đông, lao động Traco thì cá nhân này phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

D- NQL Traco chủ động viết *Tờ khai* in thành 2 bản (1 bản nộp Chủ tịch HĐQT và 1 bản nộp Trưởng BKS), trung thực kê khai về ***người và doanh nghiệp có liên quan*** (viết tắt là ***NCLQ***), khai báo quan hệ của mình để chịu sự giám sát của Công ty. Trước khi đàm phán giao dịch, ký kết hợp đồng nhạy cảm (điều 36 dưới đây) NCLQ, NQL Traco phải chủ động báo cáo HĐQT, BKS Traco để thực hiện theo khoản 36.2A hoặc 36.2B một cách công khai, minh bạch.

E- Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này, quy chế nội bộ công ty và pháp luật nhà nước quy định.

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng của người quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 36: Người có liên quan và các hợp đồng phải được chấp thuận trước khi ký

36.1. ***Người có liên quan*** (viết tắt là NCLQ) bao gồm cá nhân, nhóm người, pháp nhân có quan hệ với nhau theo các nhóm sau đây:

A- Traco và (các) công ty con, (các) chi nhánh, trung tâm của Traco;

B- (Các) công ty con, (các) chi nhánh, trung tâm của Traco với nhau;

C- Một bên là Traco (hoặc chi nhánh hoặc trung tâm hoặc công ty con của Traco) và bên kia là NQL Traco (hoặc thân nhân của NQL Traco hoặc doanh nghiệp có liên quan với NQL Traco);

D- Một bên là Traco (gồm cả công ty mẹ, công ty con, chi nhánh, trung tâm) và bên kia là (nhóm) người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Traco (kể cả các chi nhánh, trung tâm, công ty con) thông qua bộ máy quản lý các cấp của chính Traco;

E- Nhóm người, CBCC, NQL Traco thỏa thuận cùng phối hợp với nhau để thôn tóm quyền hành, lợi ích ở Traco (kể cả chi nhánh, trung tâm, công ty con) hoặc để phá vỡ sự đồng thuận cam kết tự nguyện hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty, công ty con, chi nhánh, trung tâm của Traco.

36.2. Các giao dịch, hợp đồng kinh tế, dân sự, lao động của NCLQ theo các nhóm ghi trên chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

36.2A. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong BCTC gần nhất thì phải được ĐHĐCĐ Traco chấp thuận trước khi ký (hợp trực tiếp hoặc gián tiếp xin ý kiến bằng văn bản). Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là một bên ký hợp đồng phải rời cuộc họp, không có quyền biểu quyết, cũng không được ủy quyền cho người khác biểu quyết, không được vận động, gợi ý, nhận xét về hợp đồng này; Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi số cổ đông sở hữu và đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

36.2B. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 50% thì phải được HĐQT Traco chấp thuận trước khi ký. Ủy viên HĐQT có lợi ích liên quan hoặc ủy viên HĐQT có người có liên quan là một bên ký hợp đồng phải rời cuộc họp, không có quyền biểu quyết và cũng không được vận động, gợi ý, nhận xét gì. Số ủy viên HĐQT còn lại biểu quyết, nếu quá bán đồng ý thì hợp đồng, giao dịch đó được chấp thuận.

36.3. Nếu giao dịch hợp đồng quy định tại khoản 35.2 được ký mà chưa được ĐHĐCĐ và HĐQT biểu quyết chấp thuận như trên thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của Công ty và pháp luật nhà nước.

CHƯƠNG VI QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

Điều 37: Con dấu của công ty - giá trị pháp lý

37.1. Con dấu của Traco được khắc, đăng ký, quản lý và sử dụng theo Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Dấu công ty: số lượng 01 dấu, mực in màu đỏ, hình tròn, đường kính 38,5mm, có tên công ty, mã số doanh nghiệp, địa danh quận thành phố nơi đăng ký Trụ sở chính công ty. Mẫu dấu và Bản thiết kế chi tiết dấu của công ty: xem Phụ lục đính kèm.

- Dấu của các đơn vị thành viên: mỗi chi nhánh, trung tâm, văn phòng đại diện trực thuộc Công ty: mỗi đơn vị có một con dấu riêng, mực in màu đỏ, hình tròn đường kính 36,5mm. Quy định cụ thể mẫu dấu của từng đơn vị: xem Phụ lục đính kèm.

37.2. Con dấu là tài sản đặc biệt của Traco. Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo đúng quy định của ĐL, LDN và pháp luật hiện hành. Con dấu Traco được đóng lên các văn bản, hợp đồng, hoá đơn chứng từ, chứng chỉ cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ, văn kiện đại hội ĐHĐCĐ v.v. sau khi đã có chữ ký của cấp lãnh đạo có thẩm quyền (Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐQT, TGD, phó TGD, Trưởng BKS, KTT, các Trưởng phó phòng của công ty và những người đứng ra tổ chức, triệu tập, điều hành đại hội ĐHĐCĐ Traco theo luật định), dấu được đóng rõ nét trùm lên 1/4 đến 1/3 chữ ký về phía bên trái. Không đóng dấu vào các văn bản không hợp lệ. Đóng dấu giáp lai theo đúng quy định của nghiệp vụ văn thư.

37.3. Chủ tịch HĐQT có thể giao con dấu cho Chánh văn phòng trực tiếp quản lý và quy định cụ thể trong nội quy, quy chế của Công ty phù hợp với quy định hành chính văn thư và pháp luật nhà nước.

CHƯƠNG VII

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 38: Chế độ kế toán, kiểm toán:

37.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

38.2. Công ty phải chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo Pháp lệnh Kế toán và Thống kê, Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán.

38.3. Công ty phải thực hiện công tác kế toán theo hệ thống pháp luật về kế toán Doanh nghiệp của Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành được phân ra 3 cấp quản lý: (i) luật kế toán và các nghị định hướng dẫn thi hành; (ii) hệ thống chuẩn mực kế toán VN; (iii) chế độ hướng dẫn kế toán cụ thể.

38.4. Sổ sách kế toán của công ty, các chi nhánh, công ty con thuộc nhóm Traco phải phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kế toán tài chính phát sinh; phản ánh thông tin, số liệu kế toán kịp thời, đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, trung thực và được cập nhật liên tục từ khi phát sinh khi kết thúc nghiệp vụ kế toán tài chính. Số liệu kế toán này phải lũy kế theo số liệu kế toán của kỳ trước; phân loại, sắp xếp các thông tin, số liệu kế toán theo trình tự, có hệ thống và có thể đối chiếu so sánh được..

38.5. Báo cáo tài chính (BCTC) phải được lập vào cuối kỳ kế toán quý, năm. Việc lập BCTC phải căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính. BCTC phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. Thời gian lập và nộp BCTC phải theo đúng quy định chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành. BCTC phải được người lập, KTT, CT HĐQT, TGD/GĐ ký tên và đóng dấu, người ký phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của BCTC.

38.6. Cuối mỗi năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua BCTC để trình Đại hội đồng cổ đông: (i) Bảng cân đối kế toán; (ii) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; (iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và (iv) Thuyết minh BCTC. Các báo cáo này phải được gửi trước đến thành viên HĐQT và BKS ít nhất 5 ngày để được xem xét.

38.7. Công ty giao cho Phòng TCKT chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán, kiểm toán theo đúng chế độ hiện hành.

Điều 39: Phân phối kết quả kinh doanh và lập quỹ

39.1. Kết quả kinh doanh của Công ty là kết quả cuối cùng trong một kỳ kế toán nhất định (tháng, quý, năm) bao gồm kết quả của hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính; kết quả kinh doanh được thể hiện qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận trước thuế.

39.2. Cuối mỗi năm tài chính, lợi nhuận trước hết được dùng để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Phần lợi nhuận sau thuế dùng để bù đắp các khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế; trả tiền phạt vi phạm pháp luật (nếu có) và trừ các khoản chi không được tính vào chi phí hợp lý; số còn lại phân chia như sau: Trích lập các quỹ theo quy định Nhà nước, số còn lại được phân chia cho các cổ phần (cổ tức); Tùy thực tế tình hình kinh doanh, HĐQT cho phép ứng trước cổ tức cho các cổ đông.

Điều 40: Bảo toàn vốn và xử lý lỗ

Chủ tịch HĐQT, TGD Traco, GD các chi nhánh, cán bộ Traco tại công ty khác, GD các công ty con thuộc nhóm Traco phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc ***bảo toàn và phát triển vốn*** (gồm: *vốn bằng tiền, tài sản và các nguồn lực khác*) ***được giao*** theo quy định của HĐQT.

CHƯƠNG VIII NGƯỜI LAO ĐỘNG- NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI

Điều 41: Giao kết Hợp đồng Lao động (HĐLĐ)

- 41.1. Chủ tịch HĐQT đại diện Traco giao kết hợp đồng lao động (HĐLĐ) với người được bổ nhiệm hoặc được thuê làm TGD Traco.
- 41.2. Thành viên HĐQT không phải thực hiện giao kết HĐLĐ với Traco.
- 41.3. Chủ tịch HĐQT Traco trực tiếp ký HĐLĐ với từng người lao động, nhiệm vụ và quyền lợi của người lao động được thể hiện đầy đủ trong từng HĐLĐ theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 42: Quyền lợi của Người lao động

- 42.1. Traco bảo đảm các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động v.v. cho người lao động theo quy định của pháp luật. Người lao động phải chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật nội quy, quy chế, HĐLĐ, Điều lệ, LDN và luật pháp Nhà nước.
- 42.2. Người lao động được nhận tiền lương, thù lao và các khoản tiền thưởng căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả công việc cụ thể của từng người và hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Traco bảo đảm mức lương và thù lao của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu do pháp luật quy định.

Điều 43: Quyền mua cổ phiếu của Người lao động

Công ty khuyến khích người lao động mua cổ phần để trở thành cổ đông của Traco, gắn kết sự nghiệp với Traco, cùng xây dựng Traco ngày càng giàu mạnh với bản sắc văn hóa Dân tộc – Doanh nghiệp – Gia đình. Người lao động đã làm việc liên tục ≥ 3 năm không vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên thì đương nhiên được mua cổ phiếu Traco. Tuy nhiên những trường hợp không đủ điều kiện nhưng có năng lực kỹ năng làm việc tốt, có thành tích, có công xây dựng Traco thì Chủ tịch HĐQT có quyền đặc cách (điều 51 ĐL trường hợp ngoại lệ) cho mua cổ phiếu Traco như người lao động đã làm việc ≥ 3 năm.

CHƯƠNG IX TỔ TỤNG VÀ TRANH CHẤP

Điều 44: Trách nhiệm của cổ đông, người lao động

Mọi cổ đông, lao động của Traco nghiêm chỉnh thực hiện những nội quy, biên bản, quyết định, quyết nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ, Điều lệ này và pháp luật nhà nước hiện

hành đều có quyền kiện tụng trực tiếp để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình và quyền lợi của Công ty.

Điều 45: Quyền của cổ đông, người lao động

Mọi khiếu nại liên quan tới cổ phần của Công ty đều do HĐQT, ĐHĐCĐ giải quyết. Nếu HĐQT, ĐHĐCĐ giải quyết không thoả đáng thì người tố tụng có quyền yêu cầu trọng tài, toà án can thiệp.

Điều 46: Quyền bình đẳng trong Công ty

Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật. Công ty có quyền bình đẳng với mọi pháp nhân và pháp thể khi có tố tụng, tranh chấp.

Điều 47: Tranh chấp về hợp đồng kinh tế

Mọi kiện tụng, tranh chấp về các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đơn vị sản xuất kinh doanh khác được giải quyết tại trọng tài hoặc toà án kinh tế các cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG X GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 48: Giải thể doanh nghiệp trong những trường hợp sau

- 48.1- Mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được nữa hoặc không còn có lợi.
- 48.2- Công ty bị lỗ 3/4 số vốn điều lệ hoặc đang gặp khó khăn, đã áp dụng các biện pháp tài chính mà không thể vượt qua, ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết giải thể Công ty với 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- 48.3- Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy đăng ký kinh doanh.

Điều 49: Thanh lý

- 49.1. Thành lập Tổ thanh lý tài sản, cùng BKS tiến hành thanh lý Công ty theo quy định của pháp luật.
- 49.2. Giá trị tài sản của Công ty sau khi thanh toán các khoản nợ, các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý sẽ được chia cho các cổ đông tỷ lệ với số cổ phần sở hữu.

Điều 50: Phá sản

Khi Công ty lâm vào tình trạng khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh, sau khi đã áp dụng các biện pháp kinh tế tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn, Toà án tuyên bố phá sản doanh nghiệp thì thực hiện theo Luật phá sản.

CHƯƠNG XI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51: Quy định trường hợp ngoại lệ và giải quyết những nội vụ nhất thời

51.1. Thực tiễn có những sự việc cá biệt mà khi giải quyết phải vận dụng *Trường hợp ngoại lệ*. Với nguyên tắc không trái với những nội quy, quy định, quyết định, nghị quyết của công ty và pháp luật hiện hành của nhà nước, tùy tình hình thực tế mà HĐQT, ĐHĐCĐ họp xem xét và biểu quyết thông qua quyết định cho từng trường hợp cụ thể, có lý có tình.

51.2. Những nội dung mà bản Điều lệ này chưa đề cập đến hoặc có đề cập đến nhưng chưa đầy đủ hoặc những sự việc nội bộ, thời sự, thời vụ cụ thể, khẩn cấp, nhạy cảm.v.v. phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp thì giải quyết trên cơ sở những căn cứ pháp lý của nhà nước và những quy định, quyết định, quyết nghị của Công ty được ghi trong các biên bản cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ.

Điều 52: Thi hành Điều lệ

52.1 Bản Điều lệ Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco gồm 11 chương 52 điều và các phụ lục kèm theo đã được 100% đại biểu đồng thuận biểu quyết thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ ngày 07/05/2021 tại Trụ sở Công ty số 271 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 05 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Vận tải 1 Traco và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.

52.2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

52.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

52.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2021 *ng*

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Người đại diện theo pháp luật thứ 2

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Minh Tuấn

CHỦ TỊCH HĐQT TRACO
Người đại diện theo pháp luật thứ 1

CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Thị Bích Châu

PHỤ LỤC 01

SƠ ĐỒ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TRACO



Ghi chú:

- Khối tròn trên đây thể hiện Môi trường bên trong DN
- Các mũi tên thể hiện Môi trường bên ngoài DN bao gồm:

-  Chủ trương đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Chính phủ.
-  Thị trường thế giới, khu vực, trong nước; Thị trường DN.
-  Đối thủ cạnh tranh.
-  Văn hoá Việt Nam, văn hoá KD, thông lệ quốc tế.

PHỤ LỤC 02

DANH SÁCH NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan; Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; Hoạt động đóng gói liên quan đến vận tải; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229 (Chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy	3315
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biên; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng, Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát, đá ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí	4663
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: xây dựng công trình hạ tầng cơ sở, sân golf	4290
8	Điều hành tua du lịch	7912
9	Giáo dục nghề nghiệp	8532
10	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
11	Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón	4669
12	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
13	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe buýt nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
16	Bốc xếp hàng hóa	5224
17	Bán buôn gạo	4631
18	Xây dựng trường học, khu nghỉ dưỡng	4100
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
20	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

23	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
25	Bán buôn thực phẩm	4632
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng	6810
27	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
28	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar)	5610
29	Đại lý du lịch	7911
30	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ tua du lịch	7920
31	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
32	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)	4610
33	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
34	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
35	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
36	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
37	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
38	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
39	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc Chi tiết: sản xuất container vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải; Sản xuất, cải tạo rơ mooc và bán rơ mooc	2920
40	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
41	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: sản xuất thùng, bể chứa, container	3311
42	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
45	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
46	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế máy móc, thiết bị nâng hạ, bốc xếp hàng hóa; Thiết kế máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải	7110
47	Cho thuê xe có động cơ	7710
48		<i>Ngành nghề chưa khớp với Hệ thống mã ngành kinh tế Việt Nam</i>